

Số: 15/2022/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 23 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn Đ1, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn C, xã C1, huyện Đ, tỉnh G.

- Bị đơn: Chị Đào Thị T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn C, xã C1, huyện Đ, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc Tận tình ly hôn và thỏa Tận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa Tận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự Tận tình ly hôn giữa anh Đỗ Văn Đ1 và chị Đào Thị T.

2. Công nhận sự thỏa Tận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Đỗ Văn Đ1 và chị Đào Thị T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Đỗ Văn Đ1 và chị Đào Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Đỗ Văn Đ1 và chị Đào Thị T trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Đ1 tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai T tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0004066 ngày 10/3/2022 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Hoàn trả lại cho anh Đ1 số tiền chênh lệch 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã C1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trịnh Thị Yến Ngọc